

THÔNG TƯ**Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc**

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

Điều 1. Danh mục bệnh truyền nhiễm, đối tượng, lịch tiêm chủng vắc xin bắt buộc trong Chương trình tiêm chủng mở rộng

1. Danh mục bệnh truyền nhiễm và vắc xin bắt buộc trong Chương trình tiêm chủng mở rộng:

TT	Các bệnh truyền nhiễm có vắc xin tại Việt Nam	Vắc xin, đối tượng, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng sử dụng	Lịch tiêm/uống
1	Bệnh viêm gan vi rút B	Vắc xin viêm gan B đơn giá	Trẻ sơ sinh	Liều sơ sinh: tiêm trong vòng 24 giờ sau khi sinh
		Vắc xin phối hợp có chứa thành phần viêm gan B	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 Lần 3: ít nhất 1 tháng sau lần 2
2	Bệnh lao	Vắc xin lao	Trẻ em dưới 1 tuổi	Tiêm một lần cho trẻ trong vòng 1 tháng sau khi sinh
3	Bệnh bạch hầu	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần bạch hầu	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 Lần 3: ít nhất 1 tháng sau lần 2
			Trẻ em dưới 2 tuổi	Tiêm nhắc lại khi trẻ đủ 18 tháng tuổi
4	Bệnh ho gà	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần ho gà	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 Lần 3: ít nhất 1 tháng sau lần 2
			Trẻ em dưới 2 tuổi	Tiêm nhắc lại khi trẻ đủ 18 tháng tuổi

TT	Các bệnh truyền nhiễm có vắc xin tại Việt Nam	Vắc xin, đối tượng, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng sử dụng	Lịch tiêm/uống
5	Bệnh uốn ván	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần uốn ván	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 Lần 3: ít nhất 1 tháng sau lần 2
		Vắc xin uốn ván đơn giá	Trẻ em dưới 2 tuổi Phụ nữ có thai	Tiêm nhắc lại khi trẻ đủ 18 tháng tuổi 1. Đối với người chưa tiêm hoặc không rõ tiền sử tiêm vắc xin hoặc chưa tiêm đủ 3 mũi vắc xin có chứa thành phần uốn ván liều cơ bản: - Lần 1: tiêm sớm khi có thai lần đầu - Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 - Lần 3: ít nhất 6 tháng sau lần 2 hoặc kỳ có thai lần sau - Lần 4: ít nhất 1 năm sau lần 3 hoặc kỳ có thai lần sau - Lần 5: ít nhất 1 năm sau lần 4 hoặc kỳ có thai lần sau. 2. Đối với người đã tiêm đủ 3 mũi vắc xin có chứa thành phần uốn ván liều cơ bản: - Lần 1: Tiêm sớm khi có thai lần đầu - Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 - Lần 3: ít nhất 1 năm sau lần 2 3. Đối với người đã tiêm đủ 3 mũi vắc xin có chứa thành phần uốn ván liều cơ bản và 1 liều nhắc lại: - Lần 1: tiêm sớm khi có thai lần đầu - Lần 2: ít nhất 1 năm sau lần 1
6	Bệnh bại liệt	Vắc xin bại liệt uống đa giá	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 Lần 3: ít nhất 1 tháng sau lần 2
		Vắc xin bại liệt tiêm đa giá	Trẻ em dưới 1 tuổi	Tiêm khi trẻ đủ 5 tháng tuổi

TT	Các bệnh truyền nhiễm có vắc xin tại Việt Nam	Vắc xin, đối tượng, lịch tiêm chủng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng		
		Vắc xin	Đối tượng sử dụng	Lịch tiêm/uống
7	Bệnh do Haemophilus influenzae týp b	Vắc xin Haemophilus influenzae týp b đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần Haemophilus influenzae týp b	Trẻ em dưới 1 tuổi	Lần 1: khi trẻ đủ 2 tháng tuổi Lần 2: ít nhất 1 tháng sau lần 1 Lần 3: ít nhất 1 tháng sau lần 2
8	Bệnh sởi	Vắc xin sởi đơn giá	Trẻ em dưới 1 tuổi	Tiêm khi trẻ đủ 9 tháng tuổi
		Vắc xin phối hợp có chứa thành phần sởi	Trẻ em dưới 2 tuổi	Tiêm khi trẻ đủ 18 tháng tuổi
9	Bệnh viêm não Nhật Bản B	Vắc xin viêm não Nhật Bản B	Trẻ em từ 1 đến 5 tuổi	Lần 1: khi trẻ đủ 1 tuổi Lần 2: 1 - 2 tuần sau lần 1 Lần 3: 1 năm sau lần 2
10	Bệnh rubella	Vắc xin phối hợp có chứa thành phần rubella	Trẻ em dưới 2 tuổi	Tiêm khi trẻ đủ 18 tháng tuổi

2. Nếu chưa tiêm chủng đúng lịch thì tiêm chủng càng sớm càng tốt sau đó nhưng phải bảo đảm phù hợp với đối tượng và hướng dẫn của Chương trình tiêm chủng mở rộng.

3. Việc tiêm chủng chiến dịch hoặc tiêm chủng bổ sung được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế trong từng trường hợp cụ thể.

4. Danh mục quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Bộ Y tế cập nhật và bổ sung trong trường hợp cần thiết.

Điều 2. Danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch hoặc đến vùng có dịch.

1. Danh mục bệnh truyền nhiễm và vắc xin, sinh phẩm y tế phải sử dụng bắt buộc:

TT	Tên bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, sinh phẩm y tế sử dụng
1	Bệnh bạch hầu	Vắc xin bạch hầu phối hợp có chứa thành phần bạch hầu
2	Bệnh bại liệt	Vắc xin bại liệt đa giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần bại liệt

TT	Tên bệnh truyền nhiễm	Vắc xin, sinh phẩm y tế sử dụng
3	Bệnh ho gà	Vắc xin ho gà phối hợp có chứa thành phần ho gà
4	Bệnh rubella	Vắc xin rubella đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần rubella
5	Bệnh sởi	Vắc xin sởi đơn giá hoặc vắc xin phối hợp có chứa thành phần sởi
6	Bệnh tả	Vắc xin tả
7	Bệnh viêm não Nhật Bản B	Vắc xin viêm não Nhật Bản B
8	Bệnh dại	Vắc xin dại, huyết thanh kháng dại

2. Việc xác định phạm vi và đối tượng sử dụng vắc xin thuộc danh mục quy định tại Khoản 1 Điều này do Sở Y tế xem xét quyết định hoặc chỉ đạo của Bộ Y tế trên cơ sở tình hình dịch bệnh, điều kiện cung ứng vắc xin, nguồn lực của địa phương.

3. Danh mục quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Bộ Y tế cập nhật và bổ sung trong trường hợp cần thiết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ~~01~~ tháng ~~01~~ năm 2018.

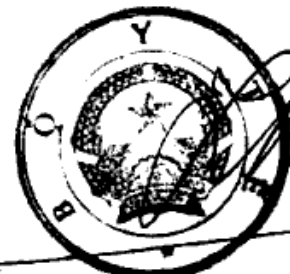
2. Thông tư số 26/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Vụ, Cục, Tổng Cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ;
- Sở Y tế, Trung tâm YTDP/Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Lưu: VT, PC, DP (02);

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Long